

VẤN ĐỀ VÀ HIỆN TRẠNG NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO NHẬT BẢN

Tóm tắt: Lịch sử nghiên cứu Phật giáo của Nhật Bản chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố lịch sử. Phật giáo truyền vào Nhật Bản vào thời kỳ Nam Bắc triều của Trung Quốc, giai đoạn này chú trọng việc học tập giáo lý và giảng kinh, vì thế việc nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản tập trung vào truyền thống nghiên cứu tư tưởng và giáo lý. Cho đến thời kỳ cận đại thì cùng với việc tiếp thu nền tảng cơ bản phương pháp nghiên cứu Văn hiến học thì khuynh hướng này mới càng được nhấn mạnh. Nghiên cứu văn hiến đã trở thành nội dung chủ đạo trong học giới Phật giáo Nhật Bản. Đối tượng nghiên cứu cũng được giới hạn bởi các tác phẩm học thuật giáo lý nhưng việc nghiên cứu các tác phẩm truyền thuyết Phật giáo dân gian, những bài waka, những tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng của Phật giáo thì lại ít được nghiên cứu.

Các học giả rất chú tâm tới việc nghiên cứu những tác gia nhưng về đối tượng tiếp nhận các sáng tác đó thì gần như chưa quan tâm đến. Nhật Bản từ trước tới nay bảo tồn được rất nhiều tư liệu chép tay. Tuy các sách vở, tùng thư được xuất bản rất nhiều nhưng vẫn có nhiều tác phẩm luận nghĩa, thuyết pháp vẫn chưa được in ấn. Hiện nay, tuy đã có rất nhiều công tác thúc đẩy việc số hóa các tư liệu chép tay nhưng nghiên cứu các văn bản chép tay này vẫn là một vấn đề khó thực hiện.

Cũng có không ít học giả nước ngoài nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản, nhưng những học giả trong nước lại thường bỏ qua các

* Khoa Xã hội và Nhân văn, Đại học Tokyo.

Bài viết được đăng trên *Fo Guang Journal of Buddhist Studies* năm 2015, số 1, tr. 145-168 với tiêu đề “The State of the Field and Several Issues to be Resolved in the Study of Japanese Buddhism”.

thành quả nghiên cứu đó, đây là một điều rất cần phải cải thiện. Sự phân định thời đại lịch sử của Nhật Bản không quá minh xác, và lại mỗi một thời đại lại có sự chú trọng khác nhau. Trên thực tế thì các học giả nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản tập trung mối quan tâm vào thời kỳ Trung đại và Cận đại là chủ yếu. Hy vọng các học giả trong tương lai sẽ tập trung nhiều hơn vào Phật giáo Nhật Bản thời kỳ Cổ đại và Cận thế.

Dẫu nói rằng các nghiên cứu về giáo lý chiếm vị thế chủ đạo trong nghiên cứu Phật giáo của Nhật Bản nhưng luận nghĩa, thuyết pháp, đặc biệt là trước thời điểm hình thành tông phái từ thời Insei đến Kamakura vẫn là một khoảng trống trong nghiên cứu. Nếu coi Phật giáo chia thành “Học” và “Hành” thì mối quan tâm của các học giả đối với vấn đề “Hành” là quá ít. Đây có thể chính là một đặc điểm lịch sử quan trọng của Phật giáo Nhật Bản, đó cũng là một vấn đề nghiên cứu quan trọng và cũng là một khâu đột phá của hiện tại.

Từ khóa: *Luận nghĩa, thuyết pháp, thực hành, văn hiến học, phân chia thời đại, Phật học, Lịch sử học, Lịch sử tư tưởng Nhật Bản.*

Mở đầu

Bài viết này chủ yếu khảo sát hiện trạng và những vấn đề trong nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản, trước hết đưa ra những vấn đề về mặt phương pháp luận, sau đó giải thích hiện trạng và những vấn đề cần cải thiện.

Từ thời kỳ Meiji tới nay có hai vấn đề ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản, đầu tiên đó là Phật giáo học, hai là Lịch sử học¹. Đương nhiên trên các lĩnh vực như lịch sử mỹ thuật, lịch sử kiến trúc, tôn giáo học, dân tộc học đều không thể xem nhẹ² nhưng ảnh hưởng sâu rộng thì đứng đầu vẫn là Phật giáo học và Lịch sử học. Ngoài ra, những năm gần đây lĩnh vực nghiên cứu lịch sử tư tưởng Nhật Bản cũng nhận được sự chú trọng một cách mạnh mẽ³.

Phật giáo trở thành đối tượng nghiên cứu của các học giả Nhật Bản bắt đầu từ khi nào? Khi đặt ra vấn đề này, đầu tiên phải quay lại thời

kỳ Phật giáo bắt đầu truyền vào Nhật Bản. Tuy nói rằng có không ít các sách nghiên cứu về Phật giáo Ấn Độ, có thể làm chúng ta liên tưởng tới việc Phật giáo trở thành một đối tượng nghiên cứu, nói chính xác hơn, Phật giáo không hẳn là một thể nghiệm tôn giáo mà trở thành một đối tượng được lịch sử truyền thừa, có thể nói bắt đầu từ khi truyền vào khu vực Đông Á, đặc biệt là sau khi gặp gỡ với truyền thống giảng kinh của Trung Quốc trở về sau⁴. Ở đây chúng tôi sẽ hồi cố lại lịch sử nghiên cứu Phật giáo này.

1. Vấn đề Phương pháp luận - Nghiên cứu văn hiến học lấy tư tưởng giáo lý làm chủ đạo

Lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo học, một cách vô tình đã hình thành một sự hiểu ngầm, coi việc nghiên cứu văn hiến giáo lý và tư tưởng trở thành một tiền đề nghiên cứu. Sử ngầm hiểu đó hình thành một lịch sử sâu dày của Phật giáo Nhật Bản, có thể truy nguyên đến tận thời kỳ Asuka, dựa trên nền tảng pháp hội mà dần dần hình thành nghiên cứu chuyên sâu về giáo lý. Thông qua các phương thức như Luận nghĩa, Đàm nghĩa hình thành nền tảng nghiên cứu giáo lý Phật giáo⁵.

Quá trình Luận nghĩa có một công đoạn có thể làm cho Tăng nhân một lần thành danh đó gọi là “Thụ nghĩa”. Thụ nghĩa yêu cầu một Tăng nhân trả lời mười vấn đề, luận nghĩa lúc này gọi là thụ nghĩa luận nghĩa, người trả lời vấn đề gọi là Thụ giả. Sau thời kỳ Heian, người được xưng tụng là Thụ giả có nghĩa là một cao thủ trong giới Phật giáo, bởi giảng sư tại Nam Đô tam hội đều là người được tuyển từ trong đó. Nam Đô tam hội bao gồm Duy Ma Hội tại Kofuku ji, Cung Trung Ngự Trai Hội và Tối Thắng Hội tại Yakushi ji. Ba pháp hội này từ thời sơ kỳ đến trung kỳ thời đại Heian được coi như những pháp hội lớn nhất, những người trở thành giảng sư trong pháp hội này đều có thể trở thành “người ứng tuyển” vị trí Tăng cương. Luật lệ này đã được định hình từ thời kỳ Thiên hoàng Kanmu⁶.

Mặc dù hình thức luận nghĩa trong pháp hội được truyền bá từ Trung Quốc sang nhưng cùng với sự phát triển của Phật giáo Nhật Bản đã dần dần hình thành nên bản sắc của mình. Từ thời Heian hậu kỳ đến thời đại Kamakura, Nara và Kyoto là hai địa bàn phân biệt xây dựng nên các pháp hội có quy định khác biệt. Tại Kyoto, hai pháp hội

được đặt tên là Tam giảng, trong đó cao nhất được phân biệt thành Ngự Bát Giảng tại Hossho ji, Tối Thắng Giảng trong cung, Tiên động Tối thắng giảng⁷. Những người là giảng sư giảng nghĩa trong Pháp hội được yêu cầu chuyên tâm nghiên cứu giáo lý. Đây có thể xem như một nguồn gốc sâu sắc dẫn đến việc nghiên cứu Phật giáo chủ yếu tập trung vào nghiên cứu giáo lý và tư tưởng.

Trên thực tế, trong các chùa lớn tại Nara và Kyoto, hiện vẫn bảo lưu nhiều tư liệu quan trọng trong pháp hội, có tính đại diện bao gồm Todaiji, Kofukuji, Enryuji. Tư liệu của Todaiji hiện được bảo lưu trong Thư viện chùa Todai, tư liệu tại Kofukuji lưu giữ trong bảo tàng chùa Kofuku, tư liệu Enryuji đa phần được lưu giữ trong Văn khố Eizan. Ngoài ra còn có Văn khố Osu tại Nagoya, Văn khố Kanazawa tại Kanagawa và rất nhiều các tự viện có lịch sử lâu đời khác cũng bảo lưu. Những tư liệu tại đây đa phần là tư liệu chép tay, vẫn còn rất nhiều tư liệu chưa được san khắc hay ấn ảnh, tuy nhiên dần dần đã có xuất hiện nhiều bản điện tử⁸. Tuy nhiên do tình hình ở các chùa tương đối khác biệt nên việc một số tư liệu hiện cũng rất khó có thể tiếp cận được là một hiện trạng thực tế.

Hiện nay những tư liệu được san khắc đã phát hành rất nhiều, ví dụ các sách được liệt vào “Tư liệu Nhật Bản soạn thuật” trong Đại Chính tân tu Đại tạng kinh là những tư liệu mang tính đại diện. Trong đó, các tư liệu cơ bản về luận nghĩa của Pháp Tướng Tông như “Duy Thức luận đồng học sao”, “Duy thức luận bản phận sao”. Những tư liệu có liên quan hiện nay do SAT (Khoa Xã hội nhân văn, Đại học Tokyo tiến hành tư liệu hóa Đại Chính tân tu Đại Tạng kinh tư liệu văn bản) làm công tác số hóa, nhưng trong đó có không ít tư liệu tồn tại các vấn đề ngay chính trong bản gốc. Trừ *Đại Chính tân tu Đại Tạng kinh* ra thì *Nhật Bản Đại tạng kinh*, *Đại Nhật Bản Phật giáo toàn thư* cũng là những từng thư Phật giáo vô cùng quan trọng. Ngoài ra, các tông phái cũng tự mở rộng xuất bản các từng thư một cách độc lập, những sách vở có tính đại diện như *Tịnh Độ tông toàn thư*, *Tục Tịnh Độ tông toàn thư*, *Thiên Thai tông toàn thư*, *Tục Thiên Thai tông toàn thư*, *Nhật Liên tông toàn thư*, *Chân Ngôn tông toàn thư*, *Chân Ngôn tông An tâm toàn thư*.... Không thể không khẳng định rằng những từng thư lớn này

đã bảo lưu rất nhiều tư liệu vô cùng quý giá, nhưng vấn đề bản gốc vẫn tồn tại. Những tư liệu gốc đó là tư liệu như thế nào là một vấn đề cơ bản, luôn luôn cần tự cảnh tỉnh.

Những loại tùng thư này ở một phương diện nhất định vô cùng tiện lợi nhưng khi ứng dụng vào việc nghiên cứu vẫn tồn tại một số vấn đề. Trong đó, một số sách vở nhằm tiện lợi cho việc đọc thậm chí đã lựa chọn một số phương thức xử lý không thích hợp với văn bản gốc. Đối diện với những vấn đề đó, việc hiệu đính lại văn bản trở thành một công đoạn không thể thiếu sót. Trừ những tập hợp tư liệu này ra, từ những năm 1970 tới nay dần dần xuất hiện những tùng thư mới biên soạn lại⁹. Sau năm 1990 thông qua sự nỗ lực của Yasuro Abe và Yamazaki của nhà xuất bản Bensei đã xuất bản bộ sách in những tư liệu quan trọng của chùa Shinfu tại Nagoya là *Shinfukujū thiện bản tùng thư*¹⁰. Những tư liệu này đã in chung các nghiên cứu đơn lẻ, giải thích chung với phần ảnh gốc và vượt qua nhiều vấn đề của nghiên cứu đi trước, cung cấp cho người đọc nhiều sự hỗ trợ. Ngoài ra việc xuất bản *Shinto đại hệ* từ năm Sowa 52 (1977) đến Heisei 19 (2007)¹¹ cũng bao gồm nhiều tư liệu liên quan tới Phật giáo. Hiện nay đã xuất bản rất nhiều tư liệu có liên quan tới Phật giáo nhưng không thể không thừa nhận một sự thực là hiện nay Nhật Bản vẫn còn chưa có kế hoạch xuất bản những bộ sách có quy mô như *Nhật Bản Đại Tạng kinh*, *Đại Nhật Bản Phật giáo toàn thư*.

2. Học hỏi học thuật phương Tây

Từ thời Meiji tới nay việc học tập các phương pháp nghiên cứu Phật giáo của Phương Tây đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đối với hoạt động nghiên cứu Phật giáo của Nhật Bản. Những học giả lưu học ở Châu Âu, như: Nanyo Bunyu (1849-1927), Junjiko Takakusu (1866-1945), Kasahara Kenju (1852-1883), đã học tập phương pháp nghiên cứu Phật giáo và triết học Ấn Độ tại Anh và đem những kiến thức nghiên cứu Văn hiến học được xây dựng trên nền tảng nghiên cứu Thần học Công giáo đó truyền bá về Nhật Bản¹².

Việc đọc chính xác văn hiến Phật giáo trở thành chủ lưu trong nghiên cứu Phật giáo. Những học giả có thành tựu trong việc đọc Hán văn bắt đầu tiến hành đối sánh với những tác phẩm được truyền bằng

Phạn ngữ, Pali ngữ và Phật điển Hán văn. Nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản đã xác lập và củng cố nghiên cứu văn hiến làm chủ lưu. Phương pháp này chủ yếu là đối sánh và nghiên cứu các bản chép tay là chính, cố gắng thu thập các bản chép tay của cùng một văn hiến, thông qua đối chiếu, hiệu đính để tránh việc đọc sai. Trừ các tư liệu chữ Phạn, đồng thời sử dụng các tư liệu Hán dịch và Tạng dịch hình thành một phương pháp nghiên cứu Phật học độc đáo¹³.

Vấn đề của phương pháp này là càng ngày càng bị thu hẹp, và lại việc nghiên cứu chỉ bó gọn trong bản thân văn bản mà bỏ qua việc quan tâm tới hiện thực của Phật giáo. Điều này dẫn tới khuynh hướng bỏ ra ngoài các tư liệu khác ngoài tư liệu văn bản, điều đó cũng dẫn tới các lĩnh vực khác trở thành đường biên của việc nghiên cứu Phật học. Đây không thể không coi là một phần thiếu sót của giới nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản.

3. Nghiên cứu Phật học quan tâm quá ít tới văn bản văn học

Trong nghiên cứu văn hiến học còn có việc tuyển lựa văn bản, những sách vở trực tiếp có mối liên hệ tới giáo lý, tư tưởng thì rất dễ trở thành những đối tượng nghiên cứu Phật giáo nhưng những tác phẩm khác thì gần như không được trọng thị một cách trực diện. Ví dụ, có không ít tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng của Phật giáo hay từ Phật giáo, như *Phật giáo thuyết thoại tập*, hay tiểu thuyết vô cùng nổi tiếng và quan trọng của thời đại Heian là *Truyện kể Genji* có rất nhiều nhân tố Phật giáo nhưng rất ít học giả quan tâm một cách trực tiếp đến vấn đề này¹⁴.

Chính vì thế, trong khi nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản, ngoài việc để ý tới sách vở văn chương của tầng lớp hay trí thức thì các tư liệu có mối liên quan cũng cần được lưu ý. Ví dụ, cùng với sự lưu truyền của Phật giáo, các đối tượng phi tầng lớp cũng có không ít các tư liệu liên quan tới Phật giáo như Hòa ca và thơ văn chữ Hán cũng là những ví dụ điển hình. Từ thời đại Heian, giáo lý Phật giáo bắt đầu được đưa vào trong Hòa ca và những tác phẩm Hòa ca này còn được gọi là Thích giáo ca. Có rất nhiều tư liệu này được lưu truyền. Tập sách soạn Hòa ca cũng có rất nhiều bài Hòa ca ngâm về giáo lý Phật giáo.

Những điều này cung cấp các tư liệu quý giá, cho thấy vào thời đại đó Phật giáo đã được (có khả năng) giới quý tộc tiếp nhận và sử dụng thế nào.

Ngoài ra, đầu thời đại Heian, lưu hành các sáng tác thơ văn chữ Hán, trong đó các bài văn tán thán Phật giáo được gọi là “Hán tán”. Tư liệu có trong *Hòa Hán lăng vịnh tập* nhưng rất ít học giả nghiên cứu Phật giáo quan tâm. Thực ra, nên chú ý đến nguồn tài liệu này vì đây là một hình thức tiếp nhận Phật giáo thời kỳ đầu Heian. Sáng tác thơ văn chữ Hán và về sau là tán thán bằng Hòa văn - được gọi là Hòa tán - phát triển một cách mạnh mẽ vào sau thời Trung đại của Nhật Bản. Các tác phẩm Hòa tán nổi tiếng từ thời Kamakura trở về sau có thể kể đến như *Tịnh độ hòa tán*, *Cao tăng hòa tán*, *Chính tượng mặt hòa tán* của Shinran, thời đại Edo có *Tọa thiền hòa tán* của Hakuin¹⁵.

Phật giáo thuyết thoại tập cũng là tác phẩm văn học xuất hiện ở cuối thời kỳ Insei. Thời kỳ đầu với các tác phẩm như *Nhật Bản linh dị ký*, thế kỷ 10 với *Tam bảo hội từ*, thế kỷ 11 với *Pháp Hoa nghiệm ký*, *Kim tích vật ngữ tập*. ... Những tư liệu này chủ yếu nghiên cứu vấn đề quốc văn của Nhật Bản nhưng rất ít người quan tâm nó từ phương diện Phật giáo. Thêm nữa, những nhà nghiên cứu Phật giáo dưới góc độ quốc văn cũng rất ít để tâm tới các vấn đề tư tưởng trong đó¹⁶.

Đến thời kỳ Trung đại Muromachi của Nhật Bản thì bắt đầu xuất hiện rất nhiều bài Hòa ca mà không phân chia rạch ròi Phật, Nho, Shinto hay Ca tụng đạo đức luân thường, chính vì thế được xưng tụng là Đạo ca, giới học giả cũng rất ít quan tâm. Từ thời kỳ Muromachi đến thời kỳ Chiến quốc, những bài ca ca tụng đạo đức gia đình và luân lý gia tộc được lưu truyền một cách rộng rãi¹⁷. Đặc biệt là thời kỳ Chiến quốc, những bài Đạo ca cảnh tỉnh con người làm thế nào để sống qua những ngày tháng chiến loạn rất được đón chờ. Sự phổ biến một cách rộng rãi của Đạo ca có một phần quan trọng là do hình thức của nó vừa ngắn gọn, vừa dễ đọc¹⁸.

Đến giữa thời kỳ Edo, cùng với sự phát triển của Tâm học thì xuất hiện nhiều tác phẩm Đạo ca và Tập thành ca tập. Tâm học thời kỳ này do tên hiệu của người sáng lập là Ishida Baigan nên còn được gọi là

Tâm học Shekimon. Đến cuối thời kỳ Edo, thế kỷ 18, 19 có một số tập đạo ca bắt đầu thịnh hành trong một số tập tranh phong cảnh có nội dung liên quan. Khởi nguồn của phong trào này có thể phải kể đến sự tích của Ikkyu. Những tác phẩm có liên quan tới Ikkyu trong giai đoạn đầu được xưng tụng là *Cuồng ca*, về sau mới được định danh thành *Đạo ca tập*¹⁹.

Về sau với sự xuất hiện của một đại diện là Sangoen Tsukimaro, với những tác phẩm đạo ca lấy chủ đề là Tâm, đến nay còn truyền lại nhiều tác phẩm nổi tiếng, như *Đạo ca: Roi vọt của tâm*, *Đạo ca: Soi chiếu tâm*. *Đạo ca: Gương sáng của tâm*... Đương thời, Đạo ca tập bắt đầu được ấn hành với sự thúc đẩy của các nhà sách mà càng được lưu hành rộng rãi trong xã hội. Đây là những tư liệu vô cùng quý giá để có thể quan sát và lý giải những giai tầng khác nhau đã tiếp xúc Phật giáo và hiểu Phật giáo như thế nào. Đáng tiếc rằng những tư liệu này cho đến nay vẫn chưa nhận được sự quan tâm một cách cần thiết của các học giả Phật giáo.

Tổng kết những vấn đề ở trên có thể thấy rõ một điều trong lĩnh vực nghiên cứu Phật học vẫn tồn tại một vấn đề là chú trọng quá nhiều tới giáo lý, tư tưởng. Nếu muốn quan sát để soi chiếu và lý giải Phật giáo đã mang lại những ảnh hưởng sâu rộng nào đối với văn hóa Nhật Bản từ phương diện tác phẩm văn học đến các tác phẩm được lưu hành trong giai tầng thứ dân, thì đều phải được đưa vào tầm nhìn của các nghiên cứu Phật giáo và có một sự trọng thị những tư liệu đó một cách cần thiết²⁰.

4. Phân chia thời đại và mối quan tâm của giới học thuật đối với các thời đại có sự thiên lệch

Phật giáo truyền vào Nhật Bản từ nửa đầu thế kỷ 6 dưới thời kỳ Asuka. Đối với người Nhật Bản vào thời điểm đó thì Phật giáo đại diện cho những tri thức hàng đầu, là tài sản văn hóa mà thế giới Đông Á cùng sử dụng một cách bình đẳng. Phật giáo trước hết từ Bách Tế ở bán đảo Triều Tiên thông qua con đường quan phương để truyền vào Nhật Bản, dần dần mới được phổ cập và đi vào lòng người. Từ đó về sau, trải qua các thời kỳ Cổ đại, Trung đại, Cận thế cho tới thời Cận hiện đại,

hàng ngàn năm kế thừa và phát triển đến nay, Phật giáo vẫn là một tôn giáo chủ yếu của người Nhật Bản. Trong các nghiên cứu Phật giáo thì sự chú trọng tới quá trình phát triển của Phật giáo từng thời đại cũng có sự khác biệt, chủ yếu được phản ánh dưới hai phương diện.

Thứ nhất là phương pháp phân kỳ trong lịch sử Phật giáo Nhật Bản. Việc dùng thời đại để phân kỳ lịch sử Phật giáo là một phương pháp phổ biến, nhưng bản thân phương pháp này cũng tồn tại một số vấn đề. Trước hết, việc phân kỳ lịch sử thuộc về những vấn đề của phương pháp sử học, nhưng trong phương pháp này cũng còn tồn tại không ít những tranh cãi²¹.

Ba cách phân chia Cổ đại, Trung đại, Cận đại vốn khởi nguyên từ khái niệm và quy định về phân kỳ lịch sử xuất phát từ Châu Âu. Để đưa lịch sử Nhật Bản vào trong lịch sử thế giới, nghiên cứu lịch sử Nhật Bản cũng lựa chọn phương pháp phân kỳ tương đồng, có điều khi lịch sử Nhật Bản trở thành đối tượng nghiên cứu độc lập thì giữa Trung đại và Cận đại thêm vào cả khái niệm *cận thế* như là một giai đoạn quá độ tới Cận đại.

Thông thường lịch sử Phật giáo Nhật Bản được phân chia như sau:

Cổ đại = Asuma, Nara, Heian.

Trung đại = Kamakura, Nam Bắc triều, Muromachi, Chiến quốc.

Cận thế = Azuchimo Moyama, Edo.

Cận hiện đại = Từ Meiji về sau.

Phương pháp phân kỳ theo Cổ đại, Trung đại, Cận đại lấy tiêu chuẩn và căn cứ nào, các đặc trưng thời đại, niên đại khởi thủy và tổng kết cách phân chia thế nào thì trên thực tế vẫn tồn tại không ít tranh cãi giữa các nhà nghiên cứu sử học.

Những năm gần đây có học giả đề xuất nên lấy giai đoạn loạn Thừa Bình, Thiên Khánh là thời điểm phân chia Cổ đại và Trung đại²². Nếu như sự phân kỳ lịch sử lấy tiêu chuẩn là những biến động mạnh mẽ về mặt văn hóa và xã hội, giai đoạn trước và giai đoạn sau tồn tại một sự khác biệt rõ rệt thì quan điểm hiện nay đều cho rằng trước thời kỳ Insei là Cổ đại, sau thời kỳ Insei là Trung đại. Có quan điểm thì cho rằng từ thời Insei cho tới thời Chiến quốc thì quá dài, chính vì thế

thông thường chia thời Nam - Bắc triều bắt đầu đến Chiến quốc gọi là thời kỳ Trung đại. Cũng có quan điểm cho rằng, từ thời Chiến quốc đến thời kỳ Azuchimomozama, xã hội bắt đầu thay đổi và bước vào thời kỳ Cận thế, nếu coi loạn Onin là mốc chia tách thời đại thì trên thực tế lịch sử Nhật Bản từ thế kỷ 16 đã bước vào thời kỳ Cận thế. Chỉ có thời kỳ khởi điểm của Minh Trị để chia tách giai đoạn Cận hiện đại thì ít có các tranh luận hơn mà thôi.

Vấn đề thứ hai, việc phân chia thời đại nếu không có tranh luận thì liệu có thể khẳng định rằng Phật giáo luôn nhận được sự chú trọng bình đẳng qua các thời đại? Trên thực tế hoàn toàn không phải như vậy. Trong nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản, có một số thời kỳ liên tục nhận được sự quan tâm, có một số thời kỳ thì bị lạnh nhạt một cách lâu dài. Các nhà nghiên cứu chủ yếu tập trung hứng thú của mình vào thời kỳ tiền Trung đại, các thời kỳ khác thì nghiên cứu tương đối ít. Đặc biệt là giai đoạn Cổ đại và Cận thế thì bị lạnh nhạt ngoài sức tưởng tượng.

Phật giáo thời Cổ đại Nhật Bản có vai trò quan trọng như buổi bình minh khi Phật giáo truyền đến nhưng những nghiên cứu liên quan thì lại là một khoảng trống²³. Nguyên nhân có rất nhiều, một lý do rất thực tế đó là mối liên hệ không quá sâu sắc trong việc truyền thừa của các tông phái lớn ở thời điểm hiện nay. Nguyên nhân khác nữa là sự hạn chế về mặt tư liệu, sự mở rộng nghiên cứu gặp rất nhiều hạn chế. Biểu hiện một cách rõ ràng nhất là các nhà nghiên cứu Phật giáo thời kỳ đầu cổ đại Asuka những năm gần đây có xu hướng giảm hẳn. Sự đột phá về mặt tư liệu khảo cổ học những năm gần đây, đặc biệt là lịch sử và khảo cổ học của bán đảo Triều Tiên cũng đạt được nhiều thành quả, hy vọng điều đó sẽ có tác động thúc đẩy việc nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản thời kỳ này²⁴.

Như trước đã nhắc đến, thời điểm tập trung nhiều nghiên cứu nhất là thời kỳ tiền Trung đại. Thời kỳ này có thể được coi là thời đại hoàng kim của việc sáng lập các đại tông phái của Phật giáo Nhật Bản - lấy các trường đại học của các tông phái này làm chủ đạo nghiên cứu. Nghiên cứu Phật giáo thời kỳ tiền Trung đại lâu bền mà không có chút giảm sút nào. Các học giả nghiên cứu về thời đại này trên các lĩnh vực

Phật giáo học, Lịch sử học đều tương đối nhiều²⁵. Ngoài ra, từ năm 1990 trở lại đây việc nghiên cứu Phật giáo cận đại cũng dần dần có những bước tiến. Năm 1994 tạp chí *Nghiên cứu lịch sử Phật giáo Nhật Bản cận đại* được ra đời, tới năm 1998 đổi tên thành *Phật giáo cận đại*, đến nay việc nghiên cứu vẫn phát triển mạnh mẽ, có không ít các học giả nghiên cứu Phật giáo học, Lịch sử học, Tôn giáo học và Lịch sử tư tưởng Nhật Bản cũng tham gia vào những nghiên cứu này²⁶.

5. Nắm bắt hiện trạng nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản tại hải ngoại quá ít

Hiện nay, đối với việc nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản không chỉ còn hạn chế ở trong nước (Nhật Bản) mà cũng rất thịnh hành ở hải ngoại. Các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á khác như Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan cũng có không ít các chuyên gia về Nhật Bản học²⁷. Tại Châu Âu, Học viện SOAS Đại học London, Đại học Newton cũng có không ít các chuyên gia nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản²⁸. Khu vực Mỹ, Canada có các trường học nổi tiếng như Đại học Princeton, Đại học Harvard, Đại học Virginia, Đại học California, Đại học Stanford, Đại học quốc tế Florida, Đại học Illinois at Urbana-Champaign, Đại học Alberta, bất kể là lĩnh vực Sử học hay Tôn giáo học đều có các chuyên gia giảng dạy về Phật giáo Nhật Bản²⁹. Những trường đại học này còn bồi dưỡng không ít các học giả trẻ, đại đa số đều lưu học lâu dài tại Nhật Bản. Những thành quả nghiên cứu của các học giả này, có khi được dịch thành tiếng Nhật để giới thiệu với độc giả Nhật nhưng đại đa số vẫn là sử dụng tiếng Anh để diễn giải. Về mặt nguyên tắc thì các học giả Nhật Bản cần phải quan tâm và tham khảo các trước tác nghiên cứu Phật giáo bằng tiếng Anh này nhưng hiện trạng thì không lấy gì làm lạc quan, về phương diện này cũng vẫn cần phải cải thiện.

Ngoài ra, nếu đem hiện trạng nghiên cứu hải ngoại và Nhật Bản so sánh thì điểm khác biệt lớn nhất chính là các học giả hải ngoại gần như chưa hề coi Phật giáo như là một lĩnh vực độc lập. Như trước đã nhắc đến, ở Nhật Bản, nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản đại đa số đều tập trung trong các lĩnh vực Phật giáo học, Lịch sử học, Lịch sử tư tưởng Nhật Bản. Không giống với Phật học của Nhật Bản là một bộ môn độc lập, ở hải ngoại, nghiên cứu Phật giáo được đặt trong các

khoa, như: Tôn giáo học, Châu Á học, Lịch sử học, cho nên việc nghiên cứu Phật giáo thông thường ít tập trung vào phương diện tư tưởng, giáo lý mà phần nhiều được tập trung vào phương diện lịch sử, phương diện xã hội là chủ đạo.

6. Vấn đề của các tư liệu san khắc và chép tay - Thông qua đối chiếu hiệu khám Đại tạng kinh

Hiện nay, nghiên cứu các trước tác của tăng lữ Nhật Bản, đặc biệt là khi tra cứu việc dẫn dụng sử dụng các tư liệu kinh luận, nhất định đều được xác nhận thông qua việc đối chiếu từ *Đại chính tân tu Đại tạng kinh*, nhưng việc làm đó cũng xuất hiện rất nhiều vấn đề. Bởi các trước tác của tăng lữ khi sử dụng việc dẫn kinh luận thường không phải tư liệu in ấn thường sử dụng, mà lấy văn bản lưu truyền theo hình thức chép tay. Nhật Bản từ thời đại Asuma, đã có rất nhiều các tăng lữ hiểu học vượt biển để làm một lưu học tăng ở Trung Quốc. Tam luận tông, Pháp tướng tông của Nhật Bản được phát triển dưới bối cảnh đó, hoặc qua bán đảo Triều Tiên hoặc trực tiếp được truyền bá từ Trung Quốc đại lục. Các tăng lữ khi đi lưu học thường mang về không ít các bản chép tay Hán dịch của các kinh luận. Các nhân vật điển hình là Dosho (629-700) và Genho (?-746). Kinh điển do Dosho thỉnh về trước tiên được lưu tại Thiền viện Hōjuku. Sau khi dời đô về Heisei, Thiền viện và các bản chép tay kinh luận trước tiên được dời tới kinh đô mới. Các kinh thư này từ thời kỳ Nara cho tới thời kỳ sau, qua nhiều lần sau chép, dần dần được hình thành hình thức của dạng từng thư, đây là nguồn của tất cả các kinh bản được truyền thừa ở các tự viện Nhật Bản³⁰.

Trên thực tế, dấu là kinh điển in ấn Đại tạng kinh mộc bản (Tổng bản - Nhất thiết kinh) từ Trung Quốc truyền vào Nhật Bản, tín đồ Phật giáo tại Nhật Bản vẫn rất trọng thị các Phật điển chép tay được truyền bá từ thời kỳ Nara. Có học giả cho rằng cho tới thời kỳ đầu Trung đại về sau người ta mới bắt đầu sử dụng Đại tạng kinh mộc bản³¹. Ngoài ra, cùng một Phật điển nhưng bản chép tay và bản khắc Đại tạng kinh cũng có lúc có sự khác biệt về mặt nội dung. Nguyên nhân của sự khác biệt đó vẫn không rõ ràng, có thể do việc tiện lợi cho việc đọc, cũng có thể do tuân theo sắc lệnh của triều đình, xuất phát từ người

chấp chính mà có một số chỉnh sửa đối với kinh văn. Đây là việc cần được chú trọng trong khi nghiên cứu.

Đại chính tân tu Đại tạng kinh được số hóa vô cùng tiện lợi cho việc tra cứu, nhưng cần phải thận trọng khi đối chiếu bản điện tử và bản chép tay kinh điển. Có những nghiên cứu đã phát hiện cùng một tài liệu trước khi được Nhật Bản san khắc, có khi do văn bản được truyền vào không cùng thời đại hoặc chịu ảnh hưởng của ấn bản mới mà xuất hiện sự khác biệt về mặt văn tự hoặc có tăng thêm các ghi chép, đây cũng là điểm cần chú ý³².

Do là bản chép tay nên tự thể rất phong phú đa dạng, chính bởi vì thế cũng xuất hiện các vấn đề về tự thể. Nếu như được viết bằng lối chữ Khải ngay ngắn dễ đọc thông thường sẽ không dẫn tới những vấn đề về việc đọc sai, nhưng trên thực tế thì việc sử dụng chữ Hành, chữ Thảo để viết cho nhanh chóng là hiện tượng thường gặp, còn có trường hợp do thói quen khác biệt của người viết mà hình thành việc thay đổi tự hình. Sự giản hóa của văn tự đương nhiên có quy tắc để đọc hiểu, có điều những tăng lữ chịu trách nhiệm viết chưa chắc đã trải qua quá trình huấn luyện đó. Ví dụ, một vị cao tăng thời Trung đại là Nhật Liên Thượng Nhân, có rất nhiều tư liệu do tự thân chép ra, nhưng trong quá trình viết đó lại hình thành nên không ít các bút pháp độc đáo của mình. Chính bởi quá trình đó mà khi các trước tác của Nhật Liên được chuyển chép thành chữ Khải thì không tránh khỏi việc đọc sai hoặc khi chuyển thành văn bản in ấn hoạt tự cũng tương đối khó khăn.

7. Tư liệu về hoạt động Pháp hội của tín đồ Phật giáo

Hoạt động của giáo đoàn Phật giáo cũng là một vấn đề quan trọng trong nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản. Hoạt động Pháp hội của Phật giáo Nhật Bản là một bộ phận trong quá trình truyền thừa Phật giáo Nam Bắc triều của Trung Quốc, đây là một số tư liệu đáng để nghiên cứu. Những hoạt động Pháp hội này lấy trọng tâm là giảng pháp, luận nghĩa và các tư liệu văn hiến liên quan được gọi là Kinh thích hoặc Văn đáp ký. Các tập đại thành về tư liệu giảng pháp này phải kể đến công lao của hai cha con tăng nhân là Choken (1126-1203) và Shogaku (1167-1235) tại Ankuin, Hieizan. Các tác phẩm biên tập tiêu biểu có

*Thích môn bí thực, Chuyển pháp luân sao ...*³³. Những tư liệu này chủ yếu ghi chép những hoạt động của tăng đoàn tại Hieizan. Gần đây cũng có không ít các tư liệu mới được phát hiện, trong đó có những tư liệu liên quan tới Pháp hội hoạt động mạnh mẽ tại Đông Đại tự Nara là Biện hiểu Pháp hội³⁴. Những tư liệu như thế này gần như không mấy người biết tới nhưng gần đây thì không ngừng được phát hiện. Các tác phẩm chép tay về Biện nghĩa có số lượng vô cùng nhiều, đại đa số được viết, biên soạn vào thời Insei tới Kamakura, do các tăng lữ tại Nara lưu giữ³⁵.

Hiện nay việc chỉnh lý và nghiên cứu các tư liệu này chủ yếu chỉ mới dưới dạng chuyển thể từ hình thái viết tay sang in ấn bằng chữ Khải để dễ đọc và giới thiệu rộng rãi. Những nghiên cứu chủ yếu này chỉ dừng lại ở việc tìm câu hay chữ đẹp hay xuất xứ điển cố, đối chiếu những câu văn hay biểu đạt có tính truyền thừa các giai đoạn, nghiên cứu về mặt tư tưởng không nhiều³⁶. Đối với các tư liệu về luận nghĩa, hiện có các tư liệu nội bộ của các tông phái, ví dụ tư liệu luận nghĩa của Thiên Thai tông đã có những tích lũy về mặt nghiên cứu nhưng chủ yếu là nửa thời kỳ đầu Trung đại. Những tư liệu luận nghĩa hiện còn mà không có nhiều mối liên hệ với các tông phái thì nghiên cứu vẫn tiến triển tương đối chậm³⁷. Trong luận nghĩa còn xuất hiện “nghịệp nghĩa”, “phó nghĩa”. Trong đó, Phó nghĩa có quan hệ với Nhân minh. Những nghiên cứu có liên quan về Nhân minh từ sau Shoho Takemura xuất bản *Nhân minh học - Khởi nguyên và biến thiên* dường như không có bất cứ tiến triển nào. Nghiên cứu về Nhân minh có thể xem như một vấn đề nghiên cứu tương lai của Nhật Bản³⁸.

Đối với những học giả đã có quá trình đào tạo về Phật học, việc nghiên cứu các tư liệu về hoạt động Pháp hội, thông qua việc tra cứu điển cứ và thâm nhập nội dung để lý giải, giải thích rõ ràng tư tưởng, hiểu rõ về hệ thống học vấn của tăng lữ đương thời thực sự không phải là một vấn đề khó, mà cái khó là ở chỗ làm sao để các luận nghĩa đó có thể phát huy được công năng xã hội. Cũng tức là, về sự chuyển dời tri thức, các vấn đề, ý nghĩa, có những phương pháp luận Phật giáo học có thể giải quyết một phần các vấn đề nhưng cũng có khi là không có cách nào giải quyết và chúng ta cũng cần phải nhận thức rõ

được tính hạn chế của nó. Những vấn đề về tính công năng xã hội của giáo đoàn đương nhiên không thể tách rời được việc dựa vào phương pháp luận của sử học để giải quyết.

8. Những vấn đề tồn tại và phương pháp luận - Lấy “Hành” làm đối tượng nghiên cứu

Cuối cùng, cần đề cập tới những vấn đề tồn tại và phương pháp luận. Truyền thừa Phật giáo bao gồm hai lĩnh vực lớn là Học và Hành, nhưng đại đa số tư liệu văn tự chủ yếu chú trọng vào vấn đề Học. Phương pháp luận của Phật học vô cùng mạnh trong việc xử lý các vấn đề về Học, đặc biệt những tư liệu về giải thích lý. Từ xưa tới giờ, các tư liệu Phật giáo, về mặt số lượng, Học chiếm ưu thế tuyệt đại đa số, xét cho cùng đó vẫn là vấn đề được quan tâm và nghiên cứu một cách cận kề.

Tuy nhiên, đóng vai trò như một nền móng quan trọng khác thì Hành là vấn đề không thể xem nhẹ. Hành có lúc cũng bao hàm cả công năng mang tính thực tiễn trong xã hội, nhưng ở đây người viết muốn nhấn mạnh tới Hành là thực tiễn về mặt chỉ quán và quán tâm³⁹.

Hành là một truyền thống vô cùng quan trọng nhưng lại rất ít các tư liệu văn tự ghi chép, dấu có ít ghi chép nhưng cũng chỉ sơ lược vài dòng, những miêu tả đó phần đa lại mang thủ pháp tượng trưng, rất khó lý giải. Nếu chỉ phân tích trên nội dung của văn tự rất khó có thể đi vào nội hàm thực sự. Nghiên cứu Phật học thông thường chú trọng tới lý giải nội hàm thực sự của văn tự, phương pháp luận của việc sử dụng văn bản học rất có lợi cho việc lý giải những tư liệu Thiền tông còn được bảo lưu, có thể nói là vẫn không thể đạt tới, không thể lý giải được. Đây cũng là phần hạn chế của việc nghiên cứu văn hiến học của Phật học.

Thủ pháp mang tính tượng trưng miêu tả chân lý, cốt để biểu lộ rõ chân tướng, nên phải thay đổi phương pháp, quan điểm để tìm hiểu. Một ví dụ điển hình là Thiền sư Enni Bennen (1202-1280) đã đề xuất một phương pháp đặc thù để phân loại Phật giáo, đưa Phật giáo chia thành *Lý tri*, *Cơ quan*, *Hướng thượng*. Lý tri là thông qua ngôn ngữ để truyền đạt những giáo lý phổ thông, ví dụ, Duyên khởi, tính Không

thuộc phạm vi của Lý tri. Cơ quan chỉ những công án bao hàm tính mâu thuẫn tuyệt đối. Cuối cùng là Hướng thượng, đây chính là những tinh túy cao sâu trong giáo lý của Phật, cụ thể mà nói đó chính là “Núi là núi, sông là sông”. Muốn hiểu cái lý sâu sắc của câu nói đó, đương nhiên chỉ dựa vào việc lý giải ngôn ngữ văn tự đọc là điều hoàn toàn không đủ.

Phật giáo Nhật Bản không chỉ đơn thuần chỉ có hai phương diện Giáo và Hành. Phật giáo bao gồm ba phương diện Phật, Pháp, Tăng. Để có thể lý giải được sự phát triển của Phật giáo cần phải lý giải các phương diện về Phật, Pháp, Tăng. Tuy nhiên nếu theo phương diện thực tế của tăng đoàn mà nói, nếu chỉ đơn thuần dựa vào văn hiến của giáo lý làm trung tâm, tức là những tư liệu *thánh giáo*, là hoàn toàn không đủ⁴⁰.

Nếu coi mục tiêu nghiên cứu của mình là để hiểu rõ hiện trạng của tăng đoàn Phật giáo Nhật Bản, nắm bắt hoạt động thường nhật của tăng đoàn trong tự viện thì phải xác lập được một phương pháp luận thích ứng với việc nghiên cứu này. Ví dụ, coi đối tượng nghiên cứu là các văn thư hành chính được lưu giữ trong tự viện thì có thể lý giải được tình trạng thực trong việc vận hành và phát triển kinh tế, cũng có thể xác định rõ ràng việc thăng tiến của các tăng nhân. Điều đáng tiếc, phương pháp luận về văn hiến học trong nghiên cứu Phật giáo lộ rõ điểm yếu. Các học giả Sử học đối với những tư liệu này đã có nhiều tích lũy và nhiều thành quả, chỉ chờ ứng dụng nó vào trong nghiên cứu Phật giáo mà thôi.

Đương nhiên, mục tiêu nghiên cứu khác nhau, phương pháp luận thích ứng với các tư liệu đó cũng cần phải có những thay đổi thích hợp, điều này cần phải hiểu rất rõ.

Kết luận

Nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản tiếp cận từ nhiều phương diện, bao gồm Phật học, Sử học, Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, Quốc văn và Tôn giáo học. Tùy vào điểm tiếp cận mà vấn đề về ý thức hay điểm quan tâm cũng không giống nhau. Trong nội bộ giới Phật học, việc sử dụng những phương pháp luận trước đây để nghiên cứu giáo lý và tư tưởng cũng đã tích lũy được không ít thành quả đáng kể, tuy nhiên khi điểm

nhìn có sự chuyển biến, cũng cần phải kiểm nghiệm những phương pháp luận hay tư liệu cũ liệu còn nguyên giá trị? Nếu như bắt đầu nghiên cứu về vấn đề mà trong quá khứ nghiên cứu Phật học chưa từng tiếp cận đến như Hành, tức tăng nhân làm sao để coi thực tế tu hành là xuất phát điểm để lý giải Phật giáo, không thể không tìm một quan điểm mới để lý giải vấn đề đó.

Phật giáo Nhật Bản không chỉ có một truyền thống lâu đời và còn liên tục tới ngày nay, mà còn là một tôn giáo trong đời sống xã hội hiện đại. Không thể không nhìn vào hiện trạng và đó cũng là một phần trong đối tượng nghiên cứu. Trọng tâm hiện nay sẽ không chỉ đơn thuần là sự ghi chép về mặt văn bản mà còn là những hoạt động của tăng đoàn, người thực việc thực trong đời sống hiện nay.

Hoạt động của họ phong phú đa dạng nhưng không thấy có một dấu hiệu nào có ý muốn ghi chép một cách minh xác những hoạt động đó thành văn tự. Lúc này nền tảng của văn hiến học trong phương pháp nghiên cứu Phật giáo hoàn toàn bất lực, điều đó thúc đẩy cần phải tìm những phương pháp có tác dụng nhiều hơn. Có thể đó là nhân học văn hóa, dân tộc học, hay quan sát tham sự... mới thực sự có hiệu quả. Lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo không nên chỉ hạn chế trong việc nghiên cứu tư tưởng, giáo lý, bây giờ chính là thời điểm xác lập trên nền tảng cũ mà coi Phật giáo vào điểm nhìn thời đại. /.

Nguyễn Hữu Sử dịch.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nếu đưa ra những học giả mang tính đại diện, trong lĩnh vực Lịch sử học thì tác giả được chú trọng nhất trước thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ 2 có Zennosuke Tsuji (1877-1955), Katsumi Kuroita (1874-1946). Zennosuke Tsuji biên soạn *Lịch sử Phật giáo Nhật Bản* 10 quyển (1944-1953), có ảnh hưởng vô cùng lớn đối với các nghiên cứu về sau. Sau thời Chiến tranh Thế giới thứ 2, có các học giả như Ishimoda Sho (1912-1986), Mitsusada Inoue (1917-1983), Toshio Kuroda (1926-1993), Yoshihiko Amino (*Dân phi nông nghiệp thời Trung đại và Thiên hoàng*, 1984). Tác phẩm *Sự hình thành thế giới Trung đại* (1946) của Ishimoda Sho là một điểm nhấn, Toshio Kuroda trong *Tôn giáo và Quốc gia Nhật Bản thời Trung đại* (1975) đề xuất quan điểm Hiện mặt thể chế luận xác lập một mẫu hình về nghiên cứu Phật giáo thời Trung đại.

- 2 Phương diện lịch sử mỹ thuật có Toyomune Minamoto (1895-2001) với *Nghiên cứu lịch sử mỹ thuật Nhật Bản* 6 tập (1978-1994) là tác phẩm được chú ý tới sớm nhất. Phương diện nghiên cứu điêu khắc tượng Phật có *Nghiên cứu lịch sử điêu khắc Nhật Bản* của Mizuno Keizaburo (1996). Nghiên cứu Mỹ thuật Mật giáo có Ryuken Sawa (1911-1983) với *Mỹ thuật Mật giáo Nhật Bản* (1961). Motohito Yoritomi biên soạn *Mỹ thuật Mật giáo* (1994) và *Sự ra đời của Luồng giới Mandala* (2004) của Kimiaki Tanka. Nghiên cứu lịch sử kiến trúc, trước Thế chiến thứ 2 có Tadashi Sekino (1868-1935) với nghiên cứu về Horyu ji không phải được xây dựng lại, vào thời điểm đó đã gây nên một làn sóng chấn động. Gần đây một số nghiên cứu có thành tựu như Keisuke Fujii về Pháp hội và không gian kiến trúc tự viện trong *Luận không gian trong kiến trúc Mật giáo* (1998) và Yamagishi Tsuneto với *Thư tư, pháp hội và tăng đoàn của tự viện thời Trung đại* (2004).
- 3 Nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Nhật Bản nổi bật hơn cả là các học giả của Phòng Nghiên cứu Lịch sử tư tưởng Nhật Bản, Đại học Đông Bắc. Thành tựu có *Tôn giáo và Quốc gia: Lịch sử tư tưởng Nhật Bản* (1992) của Minamoto Yyoen, Tamakake Hiroyuki. *Nhật Bản quốc gia và Tôn giáo* của Hiroo Sato (2010). Từ năm 2012 trở đi có Tadashi Karube, Kurosumi Makoto, Hiroo Sato, Fumihiko Sueki, Tajiri Yuichiro cùng biên soạn *Bài giảng lịch sử tư tưởng Nhật Bản*, 5 quyển (đã xuất bản 4 tập) (2012-2013) là một tập hợp nghiên cứu đa lĩnh vực. Ngoài ra, Sonehara Satoshi với *Con đường thần thánh hóa của Ieyasu Tokugawa - Sự phát triển của tư tưởng Thiên Thai thời Trung đại* (1996) và Ito Satoshiteki với *Nghiên cứu tín ngưỡng Amaterasu thời Trung đại* (2011) cũng rất nổi tiếng.
- 4 Thời kỳ Nam Bắc triều Trung Quốc, Bắc triều có truyền thống chú trọng tu tập Thiền tông mà Nam triều thì chịu ảnh hưởng của tư tưởng Thanh đàm nên chú trọng hơn trong việc giảng kinh. Tham khảo thêm *Nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc* 3 tập (1958-1979) của Emichi Ocho.
- 5 Minowa Kenryu, *Quá trình hình thành giáo lý Phật giáo Nhật Bản*, 2009.
- 6 Người giữ quan điểm này chủ yếu có Ueshima Susumu, *Phật giáo và Quốc gia thời kỳ Trung đại*, Nghiên cứu Nhật Bản, 403, 1996.
- 7 Ueshima Susumu (2010), *Vương quyền và sự hình thành xã hội Trung đại Nhật Bản*, tr. 228-292.
- 7 Đại học viện Phật học Quốc tế đang tiến hành công tác về kinh chép cổ đại, điện tử hóa các kinh sách chép tay được bảo lưu tại các tự viện nhằm giúp cho mọi người có thể tìm kiếm tư liệu và sử dụng tư liệu kinh sách chép tay Cổ đại Nhật Bản một cách dễ dàng.
- 8 Sớm nhất có thể kể đến đoàn điều tra tổng tập văn thư điển tịch Kusanji, từ năm 1971 bắt đầu xuất bản *Kusanji* tư liệu từng thư (1971 - 2004), 24 tập.
- 9 Trong đó đáng chú ý đó là sự tập hợp tư liệu của chùa Ninna *Ninnaji thủ giác Pháp thân vương - Thế giới nghi lễ - nghiên cứu*, ba tập (1995). Ngoài ra, Quốc văn học Nghiên cứu Tư liệu quán cũng biên soạn *Shinshukui thiện bản từng thư* (Tập 1 gồm 12 quyển 1991-2000; Tập 2 gồm 12 quyển 13 sách (2004-2011) và Đại học Phật giáo Quốc tế học thuật ủy viên hội biên soạn *Nhật Bản cổ tả kinh thiện bản từng thư I - VII* (Hội đồng biên tập học thuật Đại học Phật giáo Quốc tế, 2006-2014) đều là những tuyển tập tư liệu quan trọng trong giai đoạn này.

- 10 *Shinto đại hệ* trước thời điểm Thế chiến thứ 2 đã có kế hoạch nhưng một thời gian gặp khó khăn, sau Chiến tranh thành lập Tài đoàn pháp nhân Shinto đại hệ biên soạn hội, từ năm Sowa 52 (1977) tới Heisei 6 (1994) đã biên soạn được 120 quyển. Từ năm Heisei 7 (1995) đến Heisei 19 (2007) xuất bản *Tục Shinto đại hệ* 50 quyển. Tư liệu liên quan tới Thần Phật thì được thu thập trong *Luận thuyết biên*.
- 11 Từ thời Meiji trở về sau, các thành quả nghiên cứu mới đối với các vấn đề nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản như Fumihiko Sueko với *Academic - Triển khai nghiên cứu và các vấn đề Phật giáo học - Lấy trọng điểm nghiên cứu trường hợp Đại học Tokyo* (được ghi trong *Cận đại Nhật Bản và Phật giáo*, Nxb. Tranview, 2004). Hayashi Makoto, *Từ Phật giáo Minh Trị đến Phật giáo Cận đại* (Kỷ yếu Trung tâm Nghiên cứu Thiên, 42, 2013), Orion Kurauta, *Tư tưởng Nhật Bản cận đại và Sử học Phật giáo* (2012), Eichi Otani, *Góc nhìn Phật giáo thời Cận đại - Chiến tranh - Châu Á - Chủ nghĩa xã hội* (2012).
- 12 Fumihiko Sueko biên soạn *Cận đại Quốc gia và Phật giáo, Tân Á Châu Phật giáo sử*, 14, 2011.
- 13 *Tư tưởng của Truyện kể Genji* của Taya Raishun (1992) là một đại diện tiêu biểu trong số ít các tác phẩm nghiên cứu về vấn đề này.
- 14 Taya Raishun, *Khái thuyết Hòa tán sử*, 1933; Bando Shinsun, *Shinran hòa tán - Tiếng hát của đức tin*.
- 15 Nguyên nhân chính là nghiên cứu quốc văn Nhật Bản từ Cận thế với truyền thống từ Motoori Morinaga vẫn còn phát huy tác dụng, tức loại bỏ yếu tố ảnh hưởng của Phật giáo mà xây dựng một truyền thống văn học thuần túy của Nhật Bản. Nếu như một học giả Phật giáo mà mở rộng phạm vi và tập trung sức lực quan tâm đến văn học của Nhật Bản và Hòa ca thì chỉ có Ishii Kosei. Ví dụ, bài viết của ông về *Tìm hiểu về tâm - Tư tưởng duy tâm trong Truyện kể Genji* (Tạp chí Văn học, 07, 08/2003) và *Nguồn mạch của tình yêu mơ hồ - Phật giáo và Truyện kể Ise* (Tạp chí Văn học, 09,10/2004).
- 16 Trong các nghiên cứu về Đạo ca thì *Đạo ca - Hình dáng của tâm do Viện Nghiên cứu Văn hóa Tinh thần Okura biên soạn* (1998) là một trong những nghiên cứu hiếm hoi có sự tham dự của các nhà nghiên cứu Phật giáo.
- 17 Trong các nghiên cứu về Đạo ca, nổi tiếng có *Đạo ca thanh đàm* của Norikichi Yatsunami (1936), Shigeru Matsuo biên soạn *Đạo ca đại quan* (1911), Kimura Yamajiro với *Đạo ca giáo huấn Hòa ca từ điển*, Tokyodo xuất bản 1998.
- 18 Nổi tiếng có *Đạo ca giáo huấn đạo sơ biên* (B40-689), *hậu biên* (B40-689). Biên hiệu tàng thư của Thư viện tổng hợp Todai.
- 19 Từ quan điểm đó tác phẩm *Tín ngưỡng và nghi lễ tôn giáo thời kỳ Heian* của Tadashi Mitsuhashi (2000) với vai trò lý giải, nghiên cứu về tín ngưỡng của quý tộc thời kỳ này càng cần phải chú ý.
- 21 Naohiro Asao, *Luận về Phân chia thời đại, Bài giảng Nhật Bản thông sử Iwanami*, quyển 1: *Ý thức lịch sử của hiện tại*, 1995.
- 20 Susumu Ueshida, *Vương quyền và sự hình thành xã hội Trung đại Nhật Bản*, 2010.
- 21 Kazuhiko Yoshida, *Phân chia thời kỳ Lịch sử Phật giáo Nhật Bản*, Kazuo Osumi, *Quan niệm về lịch sử văn hóa*, 2003.

- 22 Đối với vấn đề này có thể tham khảo luận văn nghiên cứu Phật giáo thời đại Asuma của Udo Satoshi *Hiko cổ đại và sự truyền bá Phật giáo - Nghiên cứu hiện vật khảo cổ Koji Satoshijo Bách Tế*, Hội Ủy viên Giáo dục huyện Kumamoto biên soạn *Koji Satoshijo và xã hội cổ đại 2*, 2013.
- 23 Như Masayuki Taira, Susumu Ueshima, Daiki Kikuchi, Masatoshi Harada là những học giả mang tính đại biểu của nghiên cứu Phật giáo thời kỳ Trung đại.
- 24 Các sách chuyên khảo về nghiên cứu Phật giáo gần đây, từ Hiketoshi Ikeda *Phật giáo thời Minh trị - Hành động và tư tưởng* (1976) bắt đầu được chú ý, về sau Fumihiko Sueki với *Minh Trị tư tưởng gia luận* (2004), *Phật giáo Nhật Bản cận đại* (2004), Orion Klautau *Tư tưởng Nhật bản Cận đại và sử học Phật giáo* (2012). Có điều những chuyên luận trên đều không hề khảo sát dưới góc độ tu hành.
- 25 Giáo sư Vương Dũng của Đại học Bắc Kinh (Kiêm Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa Đông Á Đại học Công thương Triết Giang) và Phó Giáo sư Vương Tung, Giáo sư Cao Hồng - Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Giáo sư Kim Thiên Hạc - Đại học Đông Quốc Hàn Quốc, Giáo sư trợ giảng Đại học Văn hóa Trung Quốc ở Đài Loan Đồ Ngọc Trã, Phó giáo sư Lý Thủ Ai - Đại học Nghĩa Thủ, Phó giáo sư Thích Y Dục.
- 26 Lucia Dolce của Đại học London là chuyên gia nghiên cứu về Nhật Liên cũng như Phật giáo Nhật Bản thời Trung đại; Geino Sekimori - Đại học Cambridge, chuyên nghiên cứu về Tu nghiệp đạo của Nhật Bản.
- 27 Các học giả phải kể đến như Jacqueline Stone ở Princeton University, Ryuichi Abe ở Harvard University, Paul Groner ở University of Virginia (Nghỉ hưu năm 2013), Mark Blum ở University of California at Berkeley, Lori Meeks ở University of Southern California, Brian Ruppert ở University of Illinois, Carl Bielefeldt ở Stanford University, Steven Heine ở Florida International University, Asuka Sango ở Carlton University và David Quinter ở University of Alberta, Canada.
- 28 Hội đồng biên soạn học thuật Đại học Phật giáo Quốc tế biên soạn *Nhật Bản cổ tả kinh thiện bản từng san I-VIII, 2006-2014*.
- 29 Ví dụ, tạng Chonen (938-1016) của Đông Đại Tự mang về Thục Bản Tổng bản Đại tạng kinh được bảo lưu tại Đông Nam viện và gần như chưa từng sử dụng. Ngoài ra, dưới thời đại Kamakura khi Nhật Liên sử dụng Kinh Luận, cũng sử dụng điển tịch chép tay nhất thiết kinh của chùa Bonshaku.
- 30 Về vấn đề này có thể tham khảo thêm Chi Rimei *Nghiên cứu tự thuyết Tục cao tạng truyện - Trọng tâm nghiên cứu ấn bản Đại tạng kinh*, Kỷ yếu nghiên cứu văn hóa Phật giáo Đại học Tsurumi 18, 2013.
- 31 Về các tập tư liệu này có thể tham khảo Yoshinori Nagai, Kotonno Kiyoshi biên soạn *Ankuin thuyết pháp tập* (1972) và Minowa Kenryo, *Sự hình thành giáo lý Phật giáo Nhật Bản - Nghiên cứu về thuyết pháp và luận nghĩa trong pháp hội* (2009).
- 32 Kanagawa Bunko biên soạn *Shomyoji Sonshoin Biện Hiểu pháp hội - Phiên khắc và chú giải*.
- 33 Do Thư viện Đông Đại Tự biên soạn *Đông Đại Tự Hòa bản mục lục* - tức các sách được lưu giữ tại thư viện này, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Nara biên soạn *Hưng Phúc tự điển tịch văn thư mục lục* gồm 4 quyển, 1986.

- 34 Đối với các tư liệu thuyết pháp có Kaoru Oshima *Hoa văn tập - giải đề*, Shifukuji thiện bản từng san 2 *Pháp hoa kinh cổ chủ thích tập*, 2000.
- 35 Nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực sử học bao gồm Shin Nagamura *Tổ chức và kinh doanh của chùa Đông Đại từ thời Trung đại* (1989) và *Trung đại tự viện sử liệu luận* (2000). Ngoài ra, còn chuyên san nghiên cứu về Ngự bát giảng tại Pháp thắng tự trên Nam đô Phật giáo số 77 (1999).
- 36 Nghiên cứu về Nhân minh của học giả Nhật Bản, cơ bản là tham khảo Hakuji Ui *Phật giáo luân lý học (Hakuji Ui trước tác tuyển tập)* quyển 1, 1966 và Shoho Takemura *Nhân minh học - khởi nguyên và biến thiên* (1986, 2011) nhưng người kế thừa thì rất ít. Hiện nay chỉ có Moro Shigeki, Đại học Hanazono tập trung vào mảng này. Tham khảo thêm Luận văn tiến sĩ Moro Shigeki, Đại học Kansai *Hình thành và phát triển Luân lý học Phật giáo Đông Á: Duy thức tỉ lượng - qua giao lưu văn hóa*, 2013, chưa xuất bản.
- 37 Carl Bielefeldt, "Practice", *Critical Terms for the Study of the Buddhism*, 2005.
- 38 Minowa Kenryo, "Phật giáo học - Khảo cứu về nghiên cứu giáo lý và thực tiễn tu hành", *Nghiên cứu tổng hợp Phật giáo Nhật Bản*, 10, 2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 八波則吉, 1936, 《道歌清談》, 東京:實業之日本社。
- 山岸常人, 2004, 《中世寺院の僧団・法會・文書》, 東京:東京大學出版會。
- 上島亨, 1996, 〈中世前期の國家と仏教〉, 《日本史研究》403。
- 上島亨, 2010, 《日本中世社會と王権》, 名古屋:名古屋大學出版。
- 大谷榮一, 2012, 《近代仏教という視座—戦争・アジア・社會主義》, 東京:Perikansha 出版社。
- 大倉精神文化研究所編, 1998, 《道歌心の姿見》, 東京:芙蓉書房。
- 大島薫, 2000, 〈《花文集》解題〉, 真福寺善本叢刊 2 《法華經古註集成》, 京都:臨川書店。
- 三橋正, 2000, 《平安時代の信仰と宗教儀礼》, 東京:續群書類叢完成會。
- 木村山治郎, 1998, 《道歌教訓和歌辞典》, 東京:東京堂出版。
- 仁和寺紺表紙小双紙研究會編, 1995, 《仁和寺守覚法親王の儀礼世界—仁和寺藏紺表紙小双紙の研究—》全 3 冊, 東京:勉誠社。
- 刈部直、黒住真、佐藤弘夫、末本文美士、田尻祐一郎編, 2012-2013, 《日本思想史講座》全 5 卷(内 4 卷已刊), 東京:Perikansha 出版社。
- 水野敬三郎, 1996, 《日本彫刻史研究》, 東京:中央公論美術出版。
- 石井公成, 2003, 〈心を探る文學—《源氏物語》の唯心思想〉, 《文學》7、8 月号。
- 石井公成, 2004, 〈曖昧好みの源流—《伊勢物語》と仏教〉, 《文學》9、10 月号。
- 石母田正, 1946, 《中世的世界の形成》, 東京:伊藤書店。
- 田中公明, 2004, 《両界曼荼羅の誕生》, 東京:春秋社。
- 末本文美士, 2004, 〈アカデミズム仏教學の展開と問題点—東京(帝國)大學の場合を中心に—〉, 《近代日本と仏教》, 東京:Transview 出版社。

- 末本文美士, 2004, 《明治思想家論》, 東京:Transview 出版社。
- 末本文美士, 2004, 《近代日本と仏教》, 東京:Transview 出版社。
- 末本文美士編, 2011, 《近代國家と仏教》, 《新アジア佛教史》14, 東京:佼成出版社。
- 永井義憲、清水宥聖編, 1972, 《安居院唱導集》, 東京:角川書店。
- 永村真, 1989, 《中世東大寺の組織と経営》, 東京:塙書房。
- 永村真, 2000, 《中世寺院史料論》, 東京:吉川弘文館。
- 有働智英, 2013, 〈古代肥後における仏教伝来-百濟達率日羅と翔智城出土遺物を中心として-〉, 熊本県教育委員會編《翔智城と古代社會》2, 熊本:熊本縣教育委員會。
- 吉田一彦, 2003, 〈日本仏教史の時期区分〉, 大隅和雄編《文化史の構想》, 東京:吉川弘文館。
- 宇井伯壽, 1966, 《仏教論理學》, 《宇井伯壽著作選集》1, 東京:大東出版社。
- 池田英俊, 1976, 《明治の仏教-その行動と思想》, 東京:評論社。
- 池麗梅, 2013, 〈《統高僧伝》研究序説-刊本大藏經本を中心として-〉, 《鶴見大學仏教文化研究所紀要》18。
- 多屋頼俊, 1933, 《和讃史概説》, 京都:法藏館。
- 多屋頼俊, 1992, 《源氏物語の思想》, 京都:法藏館。
- 辻善之助, 1944-1953, 《日本仏教史》全 10 卷, 東京:岩波書店。
- 伊藤聰, 2011, 《中世天照大神信仰の研究》, 京都:法藏館。
- 坂東性純, 2010, 《親鸞和讃-信心をうたう》, 東京:日本放送協會出版。
- 佐和隆研, 1961, 《日本の密教美術》, 京都:便利堂。
- 佐藤弘夫, 2010, 《日本國家と宗教》, 東京:吉川弘文館。
- 東大寺圖書館編, 《東大寺和本目錄》, 奈良:東大寺圖書館。
- 林淳, 2013, 〈明治仏教から近代仏教へ〉, 《禅研究所紀要》42。
- 國文學研究資料館編, 1991-2000, 《真福寺善本叢刊》第一期全 12 卷, 京都:臨川書店。
- 國文學研究資料館編, 2004-2011, 《真福寺善本叢刊》第二期全 12 卷 13 冊, 京都:臨川書店。
- 國際佛教學大學院大學學術前沿委員會, 2006-2014, 《日本古写經善本叢刊》, 東京:國際佛教學大學院大學。^[6]
- 武邑尚邦, 1986(2011 年新裝版), 《因明學-起源と変遷》, 京都:法藏館。
- 松尾茂編, 1911, 《道歌大觀》, 東京:光融館。
- 高山寺典籍文書總合調查團編, 1971-2004, 《高山寺資料叢書》全 24 冊, 東京:東京大學出版會。
- 神奈川縣立金澤文庫編, 2014, 《称名寺聖教尊勝院弁曉説草-翻刻と解題》, 東京:勉誠出版。
- 黒田俊雄, 1975, 《日本中世の國家と宗教》, 東京:岩波書店。
- 朝尾直弘, 1995, 〈時代区分論〉, 《岩波講座日本通史》別卷 1《歴史意識

の現在》，東京:岩波書店。曾根原理，1996，《徳川家康神格化への道—中世天台思想の展開》，東京:吉川弘文館。

源了圓、玉懸博之共編，1992，《國家と宗教》，日本思想史論集，京都:思文閣。源豐宗，1978-1994，《日本美術史論究》全6卷，京都:思文閣出版。

源基定，1839，《道歌教訓道蒙早合點一休狂歌雀絵入》初編・後編。京都:堺屋仁兵衛。網野善彦，1984，《日本中世の非農業民と天皇》，東京:岩波書店。

蓑輪顕量，2009，《日本仏教の教理形成—法會における唱導と論義の研究》，

東京:大藏出版。蓑輪顕量，2012，〈<仏教學>再考—教理研究と修行実践—〉，《日本仏教総合研究》10。

頼富本宏編，1994，《密教の美術》，京都:法藏館。

横超慧日，1958-1979，《中國仏教の研究》全3卷，京都:法藏館。

藤井恵介，1998，《密教建築空間論》，東京:中央公論美術出版。

オリオン・クラウタウ(Orion Klautau)，2012，《近代日本思想としての仏教史學》，京都:法藏館。

Bielefeldt, Carl. 2005, "Practice", *Critical Terms for the Study of the Buddhism*. Chicago: e University of Chicago.

Abstract

THE STATE OF THE FIELD AND SEVERAL ISSUES TO BE RESOLVED IN THE STUDY OF JAPANESE BUDDHISM

History has placed certain limitations on the study of Japanese Buddhism. Buddhism came to Japan in the sixth century, during the Southern and Northern Dynasties period in China, via the Korean peninsula. It took on characteristics of the Buddhism of the Southern Dynasties, in particular, the practice of preaching about Buddhist sutras, as well as a robust system of doctrinal learning, and these have been the focus of the study of Buddhism for the majority of its history. However, during the Meiji period, Buddhist Studies advanced greatly with the advent of philological methods brought over from Europe.

After the introduction of this style of research, philological studies became the mainstream of Buddhist studies in Japan, however, this research tends to focus on ideological or philosophical writings, while

neglecting the study of more literary works such as *tanka* (poetry), as well as classical fiction and other narrative forms. In brief, there are relatively few works focusing on writing influenced by Buddhism. Although there is a deep interest in the makers of Buddhism, as it were, those whom it was made for have been neglected.

Furthermore, there are many handwritten manuscripts that remain from ancient Japan. Although some of these documents have been published with modern typesetting, and thus made into a more accessible format, many have not yet been made into modern printed editions. In particular, documents recording sermons (*shōdo*) and debates (*rongi*), and sermons and debates from the Cloistered Government (*insei*) period to the Kamakura period are largely unstudied topics. Although there are projects that aim to digitize these documents, these have still not been developed to their full potential.

Another important issue to be rectified is that although there are many researchers outside Japan studying Japanese Buddhism, the results of their research seem to be by and large overlooked by those working inside Japan.

Although there is a lack of consensus on the periodization of Japanese Buddhism, there is nevertheless a tendency to study the Buddhism of medieval and modern eras, while neglecting the study of the ancient and early modern periods.

Finally, although we can broadly divide the study of Buddhism into the categories of (doctrinal or academic) learning, and (religious) practice, the study of how Buddhism has been practiced, particularly how meditation (*samatha* and *vipassanā* styles in particular) has been practiced in Japan, has not sufficiently been discussed. This may be a product of the tradition of Japanese Buddhism, but is nevertheless a question the field faces in the future.

Keywords: Debate, sermon, practice, philology, periodization, Buddhist studies, Historical research, Japanese ideological studies.